

Số 3345-QĐ/HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc miễn, giảm học phí năm học 2026 - 2027
đối với sinh viên hệ đại học chính quy tập trung (Đợt 2)**

- Căn cứ Quyết định số 56-QĐ/HVCTQG ngày 10/01/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Căn cứ Quyết định của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc thu học phí các hệ đào tạo.

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Miễn, giảm học phí (Đợt 2) năm học 2026 - 2027 cho 312 sinh viên các lớp hệ đại học chính quy tập trung; Thời gian miễn, giảm được tính bằng 10 tháng theo quy định của năm học.

Điều 2. Đối với sinh viên các ngành đạt chuẩn chất lượng đào tạo tính phần trăm giảm học phí của hệ chuẩn, còn phần chênh lệch sinh viên phải nộp (Có danh sách kèm theo).

Điều 3. Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên tại Điều 2 thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
NĂM HỌC 2026 - 2027 (Đợt 2)**

(Kèm theo Quyết định số 3445/QĐ/HVBCTT ngày 22/9/2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
1	2552020016	NGUYỄN THỊ NGÂN HÀ	XĐĐ_K45A1	XĐĐ	DT-ĐBKK	70
2	2652020103	ĐẶNG A SÂU	XĐĐ_K46A2	XĐĐ	DT NGHÈO	100
3	2652020042	THÂM DIỄM NHƯ	XĐĐ_K46A1	XĐĐ	DT-ĐBKK	70
4	2652020027	NGUYỄN XUÂN KHOA	XĐĐ_K46A1	XĐĐ	BỔ TNLĐ	50
5	2652020115	TẠ HỮU TUYÊN	XĐĐ_K46A2	XĐĐ	BỔ TNLĐ	50
6	2652020013	LÒ NGỌC GIANG	XĐĐ_K46A1	XĐĐ	DT-ĐBKK	70
7	2652020028	HÀ HẢI LINH	XĐĐ_K46A1	XĐĐ	DT-ĐBKK	70
8	2652020022	BÙI THỊ HUYỀN	XĐĐ_K46A1	XĐĐ	DT NGHÈO	100
9	2652020119	ĐINH THÙY YÊN	XĐĐ_K46A2	XĐĐ	DT-ĐBKK	70
10	2452020089	HOÀNG LONG AN NA	XĐĐ_K44A2	XĐĐ	DT-ĐBKK	70
11	2652020084	CHU THỊ THU HƯƠNG	XĐĐ_K46A2	XĐĐ	DT-ĐBKK	70
12	2652020067	MAI HUỆ CHI	XĐĐ_K46A2	XĐĐ	DT-ĐBKK	70
13	2652020076	DU LỆ HIỀN	XĐĐ_K46A2	XĐĐ	MỎ CÔI	100
14	2654030107	CỨ A XÈNG	QLC_K46A2	CTH	DT-ĐBKK	70
15	2555380032	TRẦN BẢO LINH	TTCS_K45	CTH	KHUYẾT TẬT	100
16	2654030104	HÀ BỘI TRÂN	QLC_K46A2	CTH	DT NGHÈO	100
17	2655380059	TRỊNH HÀ VY	TTCS_K46	CTH	DT-ĐBKK	70
18	2655380043	TÂN THỊ MAI PHƯƠNG	TTCS_K46	CTH	DT-ĐBKK	70
19	2655380013	HÀ THỊ THU HUỆ	TTCS_K46	CTH	DT-ĐBKK	70
20	2651010007	BÀN THỊ MINH ÁNH	CTXH_K46	XHH & PT	DT-ĐBKK	70
21	2651010014	NGUYỄN TRẦN ÁNH DƯƠNG	CTXH_K46	XHH & PT	BỔ TNLĐ	50

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
22	2651010048	HOÀNG THIÊN THU	CTXH_K46	XHH & PT	DT-ĐBKK	70
23	2651010040	TRẦN YẾN NHI	CTXH_K46	XHH & PT	KHUYẾT TẬT	100
24	2655300022	NGUYỄN TRIỆU HUY	CTTT-VH_K46A1	TT	DT-ĐBKK	70
25	2655300114	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	CTTT-VH_K46A2	TT	DT-ĐBKK	70
26	2655300040	HÀ LỘC NHI	CTTT-VH_K46A1	TT	DT-ĐBKK	70
27	2655300065	TRẦN HOÀNG BẮC YÊN	CTTT-VH_K46A1	TT	DT-ĐBKK	70
28	2655300105	QUÁCH HÀ NHƯ	CTTT-VH_K46A2	TT	DT-ĐBKK	70
29	2655300012	HÀ THỊ CHINH	CTTT-VH_K46A2	TT	DT-ĐBKK	70
30	2655300020	NGUYỄN THỊ HIẾU	CTTT-VH_K46A1	TT	CON TB	100
31	2655300083	HOÀNG MINH HIẾU	CTTT-VH_K46A2	TT	DT NGHÈO	100
32	2655270129	HÀ ANH ĐIỆP	QLKT_K46A3	KTCT	DT-ĐBKK	70
33	2655270146	HOÀNG DUY MINH	QLKT_K46A3	KTCT	KHUYẾT TẬT	100
34	2355270024	NGUYỄN THỊ THANH LAM	QLKT_K43	KTCT	DT-ĐBKK	70
35	2655270021	NGUYỄN THỊ HÒA	QLKT_K46A1	KTCT	CON TB	100
36	2655270163	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	QLKT_K46A3	KTCT	KHUYẾT TẬT	100
37	2655270074	NÔNG NGỌC HÀ	QLKT_K46A2	KTCT	DT NGHÈO	100
38	2655270020	BÙI MINH HIỀN	QLKT_K46A1	KTCT	DT-ĐBKK	70
39	2655270081	BÙI THỊ THU HUYỀN	QLKT_K46A2	KTCT	DT-ĐBKK	70
40	2656160003	ĐẶNG TUẤN ANH	TTMKT_K46A1	QHCC&QC	MẸ TNLĐ	50
41	2656180027	MAI THỊ MINH HỒNG	TTST&QC_K46	QHCC&QC	CON TB	100
42	2656160002	TRÀ THỊ THÚY AN	TTMKT_K46A1	QHCC&QC	BỐ TNLĐ	50
43	2656150039	PHẠM HÀ LINH	QHCC_K46	QHCC&QC	DT-ĐBKK	70
44	2655300007	NÔNG THỊ BẢO CHÂU	CTTT-VH_K46A1	TT	DT-ĐBKK	70
45	2655310059	PHAN CÔNG VINH	CTPT_K46	CTH	DT-ĐBKK	70
46	2652050056	HOÀNG THANG VĨNH THỤY	QLNN_K46A1	NNPL	DT-ĐBKK	70
47	2652050004	LÙ PHƯƠNG ANH	QLNN_K46A1	NNPL	DT-ĐBKK	70

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
48	2656070110	NGUYỄN THỊ THẢO	MĐT_K46A2	BC-TT	CON TB	100
49	2656050068	HOÀNG KHẮC HẢI ĐĂNG	TRUYENHINH_K46A2	BC-TT	DT-ĐBKK	70
50	2656020020	PHẠM THU HÂN	BAOIN_K46	BC-TT	BỐ TNLĐ	50
51	2651070044	LUU TUỆ PHƯƠNG	TTQT_K46	QHQT	BỐ TNLĐ	50
52	2356110021	TRẦN HÀ NGỌC HUYỀN	QHCT&TTQT_K43	QHQT	DT-ĐBKK	70
53	2652050121	ĐẶNG LỆ THỦY	QLNN_K46A2	NNPL	DT-ĐBKK	70
54	2652050038	LA YẾN MY	QLNN_K46A1	NNPL	DT-ĐBKK	70
55	2652050053	BÙI QUANG THẮNG	QLNN_K46A1	NNPL	DT-ĐBKK	70
56	2658020017	HOÀNG GIA BẢO	XBĐT_K46	XB	DT-ĐBKK	70
57	2658020032	LIÊU THỊ NGỌC LINH	XBĐT_K46	XB	DT-ĐBKK	70
58	2655380004	NGUYỄN HỒNG ANH	TTCS_K46	TT	CON TB	100
59	2355270016	PHÙNG THỊ THU HÀ	QLKT_K43	KTCT	DT-ĐBKK	70
60	2356090003	VŨ BẢO NGUYỄN ANH	MĐT(CLC)_K43	BC-TT	BỐ TNLĐ	50
61	2551040167	NIYAPHA INTHASONE	TTĐPT_K45A1	BC-TT	SV LÀO	100
62	2551040166	BOUNCHAN PHANSAVANH	TTĐPT_K45A1	BC-TT	SV LÀO	100
63	2651040117	ĐOÀN THỊ YẾN VY	TTĐPT_K46A2	BC-TT	DT-ĐBKK	70
64	2651040114	PHẠM THỊ HUYỀN TRÂM	TTĐPT_K46A2	BC-TT	BỐ TNLĐ	50
65	2651050046	NGUYỄN Ý NHI	TTĐC_K46A1	BC-TT	DT-ĐBKK	70
66	2651050106	ĐINH TRẦN MINH PHỤNG	TTĐC_K46A2	BC-TT	CON TB	100
67	2656060017	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	QUAYPHIM_K46	BC-TT	DT-ĐBKK	70
68	2656030036	VŨ KIM NGÂN	BAOANH_K46	BC-TT	DT-ĐBKK	70
69	2651040133	HOÀNG NGỌC DIỆP	TTĐPT_K46A3	BC-TT	DT-ĐBKK	70
70	2656040011	NGUYỄN NGỌC HÀ	PHATTHANH_K46	BC-TT	DT-ĐBKK	70
71	2451050069	PHẠM HOÀNG DŨNG	TTĐC_K44A2	BC-TT	MẸ TNLĐ	50
72	2656050051	LÂM HOÀNG DIỆU TRÚC	TRUYENHINH_K46A1	BC-TT	DT-ĐBKK	70
73	2556050097	TRẦN THỊ THƠ	TRUYENHINH_K45A2	BC-TT	CON TB	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
74	2355280046	BÀN THỊ VINH	KT&QL(CLC)_K43	KTCT	DT-ĐBKK	70
75	2655300119	CẨM THỊ QUỲNH TRANG	CTTT-VH_K46A2	TT	DT NGHÈO	100
76	2656150031	VÌ THỊ HƯƠNG LAN	QHCC_K46	QHCC&QC	DT-ĐBKK	70
77	2655270087	BÙI VĂN LƯƠNG	QLKT_K46A2	KTCT	DT-ĐBKK	70
78	2652010025	PHẠM GIA HIẾU	NNA_K46	NN	DT-ĐBKK	70
79	2650010001	LÊ HÀ ANH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
80	2650010002	PHẠM KIỀU ANH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
81	2650010003	TRẦN NGỌC MINH ANH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
82	2650010004	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
83	2650010005	THẢO SEO CHẤN	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
84	2650010006	NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
85	2650010007	NGUYỄN TRỌNG CHUNG	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
86	2650010008	KIỀU VŨ NGỌC DIỆP	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
87	2650010009	VŨ NGỌC DIỆP	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
88	2650010010	LÊ THỊ HUYỀN DỊU	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
89	2650010012	HÀ THÁI DƯƠNG	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
90	2650010015	BẾ THẾ HẬU	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
91	2650010017	NGUYỄN DANH VŨ HOÀNG	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
92	2650010018	NGUYỄN SINH HÙNG	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
93	2650010019	NGUYỄN DUY KHÔI	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
94	2650010020	HOÀNG NGỌC LAI	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
95	2650010021	CHU THỊ THÙY LINH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
96	2650010022	ĐÀO BẢO LINH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
97	2650010023	NGUYỄN HÀ LINH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
98	2650010024	NGUYỄN KHÁNH LINH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
99	2650010025	NGUYỄN THỊ HUYỀN LINH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
100	2650010027	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
101	2650010028	VŨ THỊ HÀ LINH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
102	2650010030	NGÔ THỊ HỒNG MINH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
103	2650010031	VŨ HUYỀN HÀ MINH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
104	2650010032	NGUYỄN NGỌC TRÀ MY	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
105	2650010034	TRẦN THỊ LINH NGÀ	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
106	2650010035	NGUYỄN HỒNG NGỌC	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
107	2650010036	PHÙNG BẢO NGỌC	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
108	2650010037	HUỲNH TÚ NHÌ	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
109	2650010038	TRẦN LÂM BẢO NHÌ	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
110	2650010039	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
111	2650010040	TRẦN HỒNG NHUNG	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
112	2650010041	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
113	2650010042	NGUYỄN TRUNG ĐỨC TÀI	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
114	2650010043	NGUYỄN THỊ HÀ THANH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
115	2650010044	PHẠM CÔNG THANH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
116	2650010045	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
117	2650010046	ĐINH THỊ THU	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
118	2650010047	VÀNG A TÍNH	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
119	2650010049	TRẦN THỊ KIM TUYẾT	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
120	2650010050	NGUYỄN MINH VIỆT	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
121	2650010051	NGUYỄN HỒNG VY	TRIET_K46	TRIẾT HỌC	CN MÁC - LÊ NIN	100
122	2651020001	MAI THỊ HÀ ANH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
123	2651020002	PHÍ THỊ HIỀN ANH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
124	2651020003	PHẠM ĐỨC ANH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
125	2651020004	PHẠM NGỌC ANH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
126	2651020006	LÊ HỒNG ÁNH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
127	2651020007	PHẠM THỊ HỒNG ÁNH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
128	2651020008	TRẦN NGUYỄN NGỌC ÁNH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
129	2651020009	NGUYỄN THÙY CHÂM	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
130	2651020010	NGUYỄN ĐẶNG QUỲNH CHI	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
131	2651020011	TRIỆU HÀ CHI	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
132	2651020012	TRẦN LINH CHI	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
133	2651020013	NGUYỄN NGỌC DIỆP	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
134	2651020014	PHẠM THỊ NGỌC DIỆP	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
135	2651020015	HÀ THỊ THÙY DUNG	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
136	2651020016	NGUYỄN THUỖ DƯƠNG	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
137	2651020017	NGUYỄN XUÂN DƯƠNG	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
138	2651020018	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
139	2651020019	TRƯƠNG NGUYỄN MỸ HOA	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
140	2651020021	HÀN THỊ ÁNH HỒNG	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
141	2651020022	BÙI VŨ KHÁNH HUYỀN	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
142	2651020023	LÊ THÚY HUYỀN	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
143	2651020025	ĐỖ THỊ THẢO LINH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
144	2651020026	HOÀNG THUỖ LINH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
145	2651020027	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
146	2651020028	NÔNG HOÀNG MINH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
147	2651020029	VŨ HOÀNG TUẤN MINH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
148	2651020030	LÊ QUANG NGHỊ	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
149	2651020032	VY THỊ KHÁNH NGỌC	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
150	2651020034	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
151	2651020035	NGUYỄN THỊ NHÀN	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
152	2651020036	PHẠM ANH NHẬT	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
153	2651020037	LÊ THỊ YẾN NHI	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
154	2651020038	ĐÀO THỊ KHÁNH NHUNG	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
155	2651020039	NGUYỄN VĂN NINH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
156	2651020040	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
157	2651020041	HOÀNG NHƯ QUỲNH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
158	2651020042	LÊ TRƯỜNG SƠN	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
159	2651020043	TRẦN NGUYỄN ĐỨC TÀI	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
160	2651020044	BÙI HUY THÁI	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
161	2651020045	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
162	2651020046	NGUYỄN TRUNG THÀNH	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
163	2651020047	DƯƠNG THU THẢO	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
164	2651020048	TRẦN ĐỨC THỌ	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
165	2651020049	BÙI KIM THU	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
166	2651020051	NGUYỄN NGỌC ANH TÚ	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
167	2651020052	NGUYỄN ĐẮC TUẤN	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
168	2651020053	NGUYỄN MẠNH TUẤN	KTCT_K46	KTCT	CN MÁC - LÊ NIN	100
169	2650100001	ĐÀO HOÀNG ANH	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
170	2650100002	HOÀNG TUẤN ANH	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
171	2650100003	LẠI MINH ANH	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
172	2650100004	NGUYỄN THỊ HUYỀN ANH	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
173	2650100005	NGUYỄN THỊ LAN ANH	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
174	2650100006	TRỊNH TRẦN GIA BẢO	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
175	2650100007	LÂM CHÍ CƯỜNG	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
176	2650100008	VŨ NGỌC DIỆP	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
177	2650100009	CHU LẠC DOANH DOANH	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
178	2650100010	ĐÀO MẠNH DŨNG	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
179	2650100011	TRẦN ANH DŨNG	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
180	2650100012	NGUYỄN THU GIANG	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
181	2650100013	ĐÀO THỊ THU HÀ	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
182	2650100014	LÊ DOÃN HẢI	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
183	2650100015	MA THỊ LỆ HẰNG	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
184	2650100016	PHAN THU HẰNG	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
185	2650100017	ĐỖ GIA HÂN	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
186	2650100018	ĐINH THỊ NGỌC HOA	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
187	2650100020	NGUYỄN THỊ DIỆU HUỆ	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
188	2650100021	NGUYỄN ANH HUY	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
189	2650100022	NGUYỄN QUANG HUY	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
190	2650100023	BÙI ĐẶNG MAI HƯƠNG	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
191	2650100025	ĐẶNG QUỐC KỶ	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
192	2650100026	LÊ THỊ MAI LAN	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
193	2650100027	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
194	2650100028	VŨ THẢO LIÊN	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
195	2650100029	LÀNH DIỆU HUYỀN LINH	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
196	2650100030	TẠ PHƯƠNG LINH	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
197	2650100031	NGUYỄN VĂN LONG	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
198	2650100032	NGUYỄN HỒNG AN MINH	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
199	2650100033	NGUYỄN THỊ HẢI MINH	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
200	2650100034	HOÀNG THỊ TRÀ MY	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
201	2650100035	PHAN THỊ TRÀ MY	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
202	2650100036	BÀN THỊ QUỲNH NHƯ	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100
203	2650100037	ĐỒNG THỊ PHƯƠNG	LSD_K46	LSD	CN MÁC - LÊ NIN	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
204	2650100038	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
205	2650100039	MA THỊ THƠM	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
206	2650100040	LÊ ANH THU	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
207	2650100041	TẠ ANH THU	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
208	2650100042	LÊ TRỌNG THỨC	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
209	2650100043	NGUYỄN THỰC	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
210	2650100044	NÔNG THỊ TỎI	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
211	2650100045	HOÀNG THU TRÀ	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
212	2650100046	VŨ THỊ THANH TRÀ	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
213	2650100047	ĐOÀN THÙY TRANG	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
214	2650100048	PHẠM HUYỀN TRANG	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
215	2650100049	PHƯƠNG BẢO TRÂM	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
216	2650100050	MA QUANG TRUNG	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
217	2650100051	NGUYỄN TRUNG TUÂN	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
218	2650100052	DƯƠNG NGỌC VŨ	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
219	2650100053	LÝ KIỀU VY	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
220	2650100054	TRẦN NHƯ Ý	LSĐ_K46	LSĐ	CN MÁC - LÊ NIN	100
221	2655330001	LƯU CẢNH TRƯỜNG AN	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
222	2655330002	CẦN THỊ MAI ANH	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
223	2655330003	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
224	2655330004	PHÙNG QUỐC VIỆT ANH	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
225	2655330005	VŨ THỊ AN BÌNH	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
226	2655330006	NGUYỄN QUỲNH CHÂM	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
227	2655330007	NGUYỄN THỊ THANH CHÚC	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
228	2655330009	NGUYỄN THỊ HÀ DƯƠNG	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
229	2655330010	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
230	2655330012	ĐINH HƯƠNG GIANG	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
231	2655330014	TRẦN HƯƠNG GIANG	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
232	2655330015	NGUYỄN NGỌC HÀ	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
233	2655330016	TRẦN PHƯƠNG HÀ	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
234	2655330017	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
235	2655330018	LÒ HỮU HẢO	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
236	2655330019	LÝ THỊ HOA	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
237	2655330020	NGUYỄN THÀNH HÙNG	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
238	2655330021	ĐỖ THỊ HƯƠNG	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
239	2655330022	GIÀNG THỊ HƯƠNG	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
240	2655330023	PHẠM LÊ THU HƯƠNG	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
241	2655330024	TRẦN DIỆU HƯƠNG	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
242	2655330025	HOÀNG THỊ LIÊN	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
243	2655330026	NGÔ NGỌC LINH	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
244	2655330027	NGUYỄN PHÚC PHƯƠNG LINH	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
245	2655330028	PHẠM NGUYỄN BẢO LINH	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
246	2655330029	TRƯƠNG THỊ HÀ LINH	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
247	2655330030	BÙI DƯƠNG QUỐC MẠNH	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
248	2655330031	NGUYỄN LÀNH MẠNH	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
249	2655330032	HOÀNG THỊ TRÀ MY	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
250	2655330033	NGUYỄN NGỌC TRÀ MY	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
251	2655330034	NGUYỄN HỒNG NGỌC	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
252	2655330035	TRẦN THỊ BẢO NGỌC	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
253	2655330036	NGUYỄN THỊ NHÀN	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
254	2655330037	VŨ Ý NHI	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
255	2655330038	HOÀNG HỒNG NHUNG	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
256	2655330039	TRẦN DUY PHONG	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
257	2655330040	HÀ THỊ THU PHƯƠNG	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
258	2655330041	KHUƠNG VĂN SƠN	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
259	2655330043	ĐỖ ĐỨC THÀNH	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
260	2655330045	TRẦN THU THỦY	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
261	2655330046	ĐÀO THỊ MINH THU	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
262	2655330048	HOÀNG KHẮC TOÀN	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
263	2655330049	MAI THÙY TRANG	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
264	2655330051	LÊ THỊ THẢO VY	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
265	2655330052	NGUYỄN THỊ KHÁNH VY	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
266	2655330053	BÙI PHẠM HẢI YẾN	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
267	2655330054	MAI THỊ THANH YẾN	TTHCM_K46	TTHCM	CN MÁC - LÊ NIN	100
268	2650080001	HOÀNG TRẦN VIỆT AN	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
269	2650080002	CAO NGỌC HÀ ANH	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
270	2650080003	NGUYỄN QUỲNH ANH	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
271	2650080004	PHẠM MINH ANH	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
272	2650080005	NGUYỄN ĐĂNG XUÂN BẮC	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
273	2650080006	LA THỊ BẢO CHÂM	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
274	2650080008	PHẠM HÀ CHI	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
275	2650080009	PHẠM KIM CHI	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
276	2650080011	NGUYỄN TIẾN CƯỜNG	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
277	2650080012	LÝ MÙI DIẾT	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
278	2650080013	THIỆU MINH DŨNG	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
279	2650080014	ĐỖ HOÀNG ĐAN	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
280	2650080015	NGÔ THANH HẢI	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
281	2650080016	NGUYỄN MAI HÂN	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
282	2650080017	NGUYỄN THU HIỀN	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
283	2650080018	NGUYỄN VĂN HIẾU	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
284	2650080019	NGUYỄN ĐIỀU HOA	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
285	2650080020	ĐÌNH KHÁNH HUYỀN	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
286	2650080021	PHẠM THỊ NGỌC KHÁNH	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
287	2650080022	MỪNG ĐĂNG KHOA	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
288	2650080023	NGUYỄN ĐẶNG TUẤN KIẾT	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
289	2650080024	NGUYỄN THỊ THÚY LÊ	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
290	2650080025	MAI NGỌC LINH	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
291	2650080026	NGUYỄN THÙY LINH	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
292	2650080027	NGUYỄN THÙY LINH	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
293	2650080028	BÙI NGỌC MAI	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
294	2650080029	NGUYỄN NGỌC MAI	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
295	2650080030	CHU THỊ THÚY MINH	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
296	2650080031	ĐỖ THỊ KIM NGÂN	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
297	2650080032	ĐÌNH BẢO NGỌC	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
298	2650080034	PHẠM MINH NGỌC	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
299	2650080035	KHÚC THỊ YẾN NHI	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
300	2650080038	VĂN KHẮC TẤN PHÁT	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
301	2650080039	LÊ ÁNH QUỲNH	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
302	2650080040	VŨ THANH THẢO	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
303	2650080041	CHU THỊ THÚY	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
304	2650080043	LÊ THÙY TRANG	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
305	2650080044	NGUYỄN HÀ TRANG	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
306	2650080045	PHAN THỊ TRANG	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
307	2650080046	PHAN THÙY TRANG	CNXHKKH_K46	CNXHKKH	CN MÁC - LÊ NIN	100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHÍ MINH

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
308	2650080047	PHẠM THÙY TRANG	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
309	2650080048	TRẦN QUANG TRƯỜNG	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
310	2650080049	BÙI ANH TÚ	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
311	2650080050	DƯƠNG GIA UYÊN	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100
312	2650080051	NGUYỄN HẢI YẾN	CNXHKH_K46	CNXHKH	CN MÁC - LÊ NIN	100

Tổng số: 312 sinh viên

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Sơn